

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 26-5-2021

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Nhân

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2021/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2021/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 150/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Chị Trương Nguyễn Thanh T, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, thành phố M, Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn – anh Nguyễn Văn U.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo án sơ thẩm;

- *Nguyên đơn – anh Nguyễn Văn U trình bày:*

Anh và chị T cưới nhau, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2017. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh

phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do chị T không đồng ý sống chung với gia đình chồng, nghi ngờ anh có người phụ nữ khác nên có lời lẽ không tôn trọng anh. Đến tháng 08 năm 2020, do không thể tiếp tục cuộc sống chung với chị T nên anh tách ra sống riêng, không về thăm chị T và con chung. Nay, anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai người con chung tên Nguyễn Minh L, sinh ngày 22/6/2017 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 13/8/2019 hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho hai cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Bị đơn – chị Trương Nguyễn Thanh T đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng chị T không gửi văn bản nêu ý kiến của mình và vắng mặt không rõ lý do.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2021/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn U về việc ly hôn với chị Trương Nguyễn Thanh T.

2. Về nuôi con, tài sản và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 15/01/2021, nguyên đơn – anh Nguyễn Văn U có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh được ly hôn với chị Trương Nguyễn Thanh T;

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Minh L, sinh ngày 22/6/2017 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 13/8/2019 cho chị T nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự

thuận tình ly hôn và công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn U và chị Trương Nguyễn Thanh T, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Chị Trương Nguyễn Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn U kháng cáo cho rằng hiện nay mâu thuẫn giữa anh và chị T ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn tình cảm với nhau vì vợ chồng đã sống ly thân được 06 tháng và từ lúc sống ly thân đến nay cả hai không gặp nhau để trao đổi, hàn gắn tình cảm. Vì vậy, anh U kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh, cụ thể:

- Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn U được ly hôn với chị Trương Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Minh L, sinh ngày 22/6/2017 và cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 13/8/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh U tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/con

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét, yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn U là có căn cứ, phù hợp pháp luật, bởi lẽ:

Tại Bản tự khai ngày 24 tháng 5 năm 2021, chị Trương Nguyễn Thanh T trình bày do tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn với anh U. Về con chung: Chị đồng ý nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Minh L, sinh ngày 22/6/2017 và cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 13/8/2019. Chị đồng ý với mức cấp dưỡng mà anh U đặt ra, cụ thể anh U phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/con. Chị cam kết sẽ tạo điều kiện để anh U thăm con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công công việc và phải giữ con nhỏ nên chị đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình xét xử phúc thẩm.

Như vậy, mặc dù chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng căn cứ vào Bản tự khai của chị T thể hiện sự thống nhất ý kiến với yêu cầu khởi kiện của anh U. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn U phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 300.000 đồng án phí phúc thẩm, tổng cộng 900.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a và b khoản 6 Điều 27, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn U.

Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2021/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn U và chị Trương Nguyễn Thanh T.

Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn U và chị Trương Nguyễn Thanh T, cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Minh L, sinh ngày 22/6/2017 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 13/8/2019 cho chị Trương Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn U được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn U phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh U chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thực hiện.

2/- Về án phí: Anh Nguyễn Văn U phải chịu 300.000 án phí hôn nhân sơ thẩm, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung và 300.000 đồng án phí

phúc thẩm, tổng cộng 900.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002213 ngày 16/10/2020 và biên lai thu tiền số 0004742 ngày 15/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Như vậy anh U còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- CCTHADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy